# TRƯỜNG: THCS THANH AM

# TIÊU CHÍ TỰ ĐÁNH GIÁ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

#  CHO CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

*Hướng dẫn tự chấm điểm : Các trường tự đánh giá điểm (điền vào cột 5) ; Cần phải ghi rõ minh chứng cụ thể (điền vào cột số 6) ; Nội dung đóng góp cho bộ chỉ số (Điền vào cột 7)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ số/Tiêu chí** | **Điểm tối đa** | **Phương pháp đánh giá** | **Điểm các trường tự đánh giá** | **Minh chứng cần rõ (Số Văn bản hoặc đường link, tên phần mềm….** | **Nội dung đóng góp cho từng Chỉ số và tiêu chí** |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** |
| **1.**  | **Nhóm 1: Nâng cao nhận thức, tổ chức triển khai ứng dụng CNTT và CĐS**  | **10/10**  |  | **9/10** |  |  |
| 1.1.  | CSGD có thành lập Ban chỉ đạo tăng cường ứng dụng CNTT (hoặc bao gồm CĐS) không?  | 2  | Có thành lập và cập nhật hằng năm: 2 điểm  | 2 điểm | Ban hành QĐ 159/QĐ-THCS ngày 14/9/2021 về việc kiện toàn BCĐ thực hiện mô hình trường học điện tử năm học 2021-2022; |  |
| 1.2.  | Thông tin lãnh đạo CSGD phụ trách CNTT và CĐS: * Họ tên: Trần Thị Thanh Hà
* Chức vụ: Hiệu trưởng
* Email: tranthithanhha@gmail.com
* Điện thoại: 0988757401
 | 1  | Có phân công: 1 điểm  | 1 điểm  | Ban hành QĐ 159/QĐ-THCS ngày 14/9/2021 về việc kiện toàn BCĐ thực hiện mô hình trường học điện tử năm học 2021-2022; |  |
| 1.3.  | Thông tin cán bộ phụ trách CNTT và CĐS: * Họ tên: Nguyễn Ngọc Anh
* Chức vụ: Nhân viên IT – GV Toán
* Email: nnanh171190@gmail.com
* Điện thoại: 0934551293
 | 1  | Có phân công: 1 điểm  | 1 điểm  | Ban hành QĐ 159/QĐ-THCS ngày 14/9/2021 về việc kiện toàn BCĐ thực hiện mô hình trường học điện tử năm học 2021-2022; |  |
| 1.4.  | CSGD có ban hành kế hoạch tăng cường ứng dụng CNTT (hoặc bao gồm cả CĐS) không?  | 2  | Có ban hành: 2 điểm  | 2 điểm | Số 186/KH-THCSTABan hành ngày 1/10/2022 |  |
| 1.5.  | CSGD có tổ chức phổ biến kế hoạch; tuyên truyền nâng cao nhận thức về ứng dụng CNTT và CĐS cho CBVCNV không?  | 1  | Có tổ chức: 1 điểm  | 1 điểm |   |  |
| 1.6.  | CSGD có chuyên mục/tài liệu về CĐS và ứng dụng CNTT trong quản lí, tổ chức dạy học  | 1  | Có: 1 điểm  | 1 điểm  |   |  |
| 1.7.  | Tổng số ngân sách CSGD dành cho triển khai ứng dụng CNTT, CĐS của năm học (gồm cả đầu tư mua sắm, xây dựng học liệu số, đào tạo tập huấn): 350.000.000 đồng. Chiếm tỉ lệ: 5.97% tổng ngân sách của năm học.  | 2  | Lớn hơn 5%: 1 điểm. Lớn hơn 10%: 2 điểm  | 1 điểm  | Căn cứ vào QĐ giao Dự toán thu chi ngân sách năm 2021 và năm 2022 của UBND quận Long Biên  |  |
| **2.**  | **Nhóm 2: Triển khai ứng dụng CNTT và CĐS trong dạy, học**  | **30/30**  |  | **30/30** |  |  |
| 2.1.  | CSGD có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hàng năm) không? Nếu có, - CSGD có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến không?  | 6  | Có ban hành kế hoạch: 3 điểm. Có ban hành quy chế: 3 điểm  | 6 điểm | Số 139/KH-THCSTA |  |
| 2.2.  | CSGD đang triển khai dạy học trực tuyến trực tiếp qua phần mềm: * Zoom:
* Google Meet:
 | 2  | Chọn 1 hoặc nhiều  | 2 điểm  |   | Dạy học trực tuyến qua phần mềm Zoom, Google Meet theo id và pass của từng lớp, từng giáo viên  |
| 2.3.  | CSGD có hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) không? Nếu có: * Tên giải pháp: olm.vn
* Tự xây dựng/Thuê/Mua: Miễn phí
 | 2  | - Có, đủ thông tin trả lời: 2 điểm  | 2 điểm | https://olm.vn/doi-tac/thcs\_thanham/danh-sach-nhom |  |
|  |  CSGD đã triển khai các tính năng nào dưới đây (hãy chọn)- Giáo viên giao bài cho học sinh tự học trên hệ thống: olm.vn- Giáo viên hỗ trợ trực tuyến trên hệ thống: olm.vn- Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kì: olm.vn, Google forms, Azota* Có hỗ trợ PHHS tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh: ……
 | 8  | Mỗi tính năng triển khai: 2 điểm  | 8 điểm |   |  |
| 2.4.  | Học liệu số phục vụ dạy học trực tuyến: CSGD có tổ chức lựa chọn, xây dựng học liệu số không: có/không? - Nếu có, số lượng học liệu số hiện có trên 40 học liệu Số học liệu được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu CSGD phê duyệt trên 20 học liệu  | 6  | Nếu có: 1 điểm Tổng số học liệu trên 40: 2 điểm Số học liệu được phê duyệt trên 20: 3 điểm  | 6 điểm  | https://thcsthanham.longbien.edu.vn/tai-nguyen/c/7017 |  |
| 2.5.  | CSGD có triển khai thi, kiểm tra, đánh giá trên phòng máy tính (có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN) không? Nếu có, tên giải pháp phần mềm: Netop scholl- Cho các môn học nào (liệt kê): Tin họcPhần mềm có kết nối với hệ thống quản trị nhà trường không? Nếu có, hình thức kết nối: phần mềm Zoom liên kết với mail của nhà trường + Trực tuyến: Zoom  + Qua mạng LAN hoặc USB, CD: ………  + Thủ công (nhập, xuất trực tiếp bằng tay): ……….  | 4  | Nếu có và đưa đủ tên giải pháp: 1 điểm Hình thức kết nối, theo thứ tự từ trên xuống: 3 điểm, 2 điểm và 1 điểm  | 4 điểm  |  |  |
| 2.6.  | Tỷ lệ học sinh các cấp học được tham gia các chủ đề dạy học theo định hướng giáo dục STEM, STEAM, STEAME  | 2  | Trên 30%: 2 điểm Trên 10%: 1 điểm  | 2 điểm  |   |  |
| **3.**  | **Nhóm 3: Triển khai ứng dụng CNTT và CĐS trong quản trị CSGD**  | **30/30**  |  | **29/30** |  |  |
| 3.1.  | CSGD có sử dụng hệ thống quản trị nhà trường không? Nếu có, cung cấp thông tin cho các câu hỏi liên quan dưới đây: Tên giải pháp: csdl.hanoi.edu.vnTự xây dựng/Mua/Thuê: được cấpHệ thống có kết nối với hệ thống CSDL ngành giáo dục không? có/không. Có liên kết với CSDL ngành giáo dục | 4  | * Có và đủ thông tin: 2 điểm
* Có kết nối với CSDL ngành:

2 điểm  | 4 điểm  | https://truong.hanoi.edu.vn/Login.aspx?dv=C2 |  |
|   | - CSGD có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường không?  | 2  | Có và đủ minh chứng: 2 điểm  | 2 điểm | Số 03/QC-THCSĐGBan hành ngày 04/09/2022  |
|   | - CSGD có triển khai module quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập) không?  | 1  | Có và đủ minh chứng: 2 điểm  | 1 điểm  | csdl.hanoi.edu.vn  |
|   | - CSGD có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNC không?  | 1  | Có và đủ minh chứng: 1 điểm  | 1 điểm  | csdl.hanoi.edu.vn  |
|   | - CSGD có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất không?  | 1  | Có và đủ minh chứng: 1 điểm  | 1 điểm | hanoi.qlts.vn |
|   | - CSGD có triển khai phân hệ quản lý sức khỏe, ý tế không?  | 1  | Có và đủ minh chứng: 1 điểm  | 1 điểm | csdl.hanoi.edu.vn  |
|   | - CSGD có triển khai phân hệ quản lý kế toán không? Nếu có, có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt không?  | 2  | Có và đủ minh chứng: 1 điểm Có, đủ minh chứng và triển khai dịch vụ thu phí không dùng tiền mặt: 2 điểm  | 2 điểm | - Sử dụng phần mềm kế toán Misa mimosa- Phần mềm thu tiền học phí sisap |
|   | - CSGD có triển khai phân hệ quản lý khác: thời khóa biểu, lịch sinh hoạt chuyên môn..không?  | 1  | Có và đủ minh chứng: 1 điểm  | 1 điểm | Csdl.hanoi.edu.vn  |
|   | - CSGD triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử mức nào?  | 2  | Mức 1: 1 điểm  | 1 điểm  | Csdl.hanoi.edu.vn  |  |
|  |  + Mức 1: File PDF:…..  + Mức 2: Áp dụng chứng thư số:……  |  | Mức 2: 2 điểm  |  |  |  |
| 3.2.  | CSGD có triển khai thư viện điện tử (mượn/trả sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, tạp chí..) không?  | 1  | Có và đủ minh chứng: 1 điểm  | 0 điểm |  |  |
| 3.3.  | CSGD có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường không? Nếu có, chọn phương thức cung cấp: - Qua OTT (Over The Top): Enet Viet* Qua ứng dụng web: thcsducgiang.longbien.edu.vn
* Có kết nối với hệ thống quản trị nhà trường không? ……
 | 3  | Nếu có và qua OTT: 2 điểm Nếu có và qua ứng dụng web: 1 điểm Kết nối với hệ thống quản trị nhà trường: 1 điểm  | 3 điểm  | Cổng TTĐT: thcsthanham.longbien.edu.vnTrang FB: <https://www.facebook.com/groups/874382022712466>* Hệ thống sổ liên lạc điện tử Enetviet
 |  |
| 3.4.  | CSGD có triển khai dịch vụ đăng ký tuyển sinh đầu cấp trực tuyến không?  | 1  | Có/Không  | 1 điểm  | https://tsdaucap.hanoi.gov.vn/ |  |
| 3.5.  | CSGD có Trang thông tin điện tử không? Nếu có, CSGD có thành lập Ban biên tập không? ……. Trang thông tin có đủ thông tin liên hệ với Ban biên tập không? … - Trang thông tin có đủ thông tin liên hệ với Ban Giám hiệu không? ... Trang thông tin có đủ thông tin về quy mô của CSGD không?... Trang thông tin có đủ thông tin về tuyển sinh không?......  | 3  | Có và có Ban biên tập: 1 điểm Có và có mỗi thông tin tiếp theo: 0.5 điểm  | 3 điểm  | thcsthanham.longbien.edu.vn |  |
| 3.6.  | Việc tuân thủ báo cáo, yêu cầu cập nhật dữ liệu lên CSDl ngành gồm: - Báo cáo EMIS: đầu năm, giữ năm, cuối năm theo Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT - Báo cáo EQMS giữa năm  | 4  | Hệ thống phần mềm tự đáng giá  | 4 điểm  | Báo cáo thống kê trên CSDL ngành  |  |
|  | * Báo cáo đội ngũ (cuối năm)
* Phổ cập giáo dục - xoá mù chữ tháng 9-12 hàng năm
 |  |  |  | Phần mềm CSDL ngành |  |
| 3.7.  | Tỉ lệ học sinh có thư điện tử đăng kí với nhà CSGD để trao đổi thông tin liên quan đến học tập hàng ngày?  | 1  | Lớn hơn 50%: 1 điểm  | 1 điểm  | 100% HS toàn trường |  |
| 3.8.  | Tỉ lệ trao đổi văn bản điện tử cấp CSGD  | 2  | Lớn hơn 30%: 1 điểm Lớn hơn 60%: 2 điểm  | 2 điểm | Lớn hơn 60% |  |
| **4.**  | **Nhóm 4: Phát triển nguồn nhân lực triển khai ứng dụng CNTT và CĐS**  | **15/15**  |  | **10/11** |  | **Tổng số điểm là 11 chứ không phải 15** |
| 4.1.  | Tỉ lệ CBVCNC tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu: ….%  | 1  | Đạt 100%: 1 điểm  | 1 điểm  |  100% |  |
| 4.2.  | Tỉ lệ Số CBVCNV được tham gia bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số: 100%  | 2  | Lớn hơn 50%: 2 điểm Lớn hơn 30%: 1 điểm  | 2 điểm  | KH triển khai MHTHĐT  |  |
| 4.3.  | Tỉ lệ Số học sinh được tham gia bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số: 90%  | 1  | Lớn hơn 30%: 1 điểm  | 1 điểm  | KH triển khai MHTHĐT  |  |
| 4.4.  | Tỉ lệ giáo viên được tham dự tập huấn chuyên môn qua mạng trong năm học: 100%  | 1  | Lớn hơn 30%: 1 điểm  | 1 điểm | KH triển khai MHTHĐT  |  |
| 4.5.  | Tỉ lệ CBVCNV được tham dự các lớp bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng về an toàn thông tin qua mạng trong năm học: 100 %  | 2  | Lớn hơn 50%: 2 điểm Lớn hơn 30%: 1 điểm  | 2 điểm | KH triển khai MHTHĐT  |  |
| 4.6.  | Tỉ lệ giáo viên sử dụng thành thạo phần mềm, công cụ và thiết bị ứng dụng CNTT tổ chức dạy học trực tuyến?  | 2  | Từ 50% đến 80%: 1 điểm Trên 80%: 2 điểm  | 2 điểm | 100%  |  |
| 4.7.  | Tỉ lệ giáo viên có năng lực thiết kế bài giảng e-Learning, video bài giảng, thiết bị dạy học số: 35 %  | 2  | Từ 30% đến 60%: 1 điểm Trên 60%: 2 điểm  | 1 điểm | 60%  |  |
| **5.**  | **Nhóm 5: Điều kiện đảm bảo về hạ tầng kỹ thuật triển khai ứng dụng CNTT và CĐS**  | **15/15**  |  | **15/15** |  |  |
| 5.1.  | Số lượng máy tính phục vụ quản lý, công tác hành chính như: * Ban giám hiệu: 4 chiếc
* Hành chính, kế toán: 4 chiếc
* Phần mềm quản trị: đủ
* Thư viện: 10 chiếc
 | 3  | Đủ các mục: 3 điểm  | 3 điểm  |  | Có đầy đủ phần mềm quản trị theo từng phòng ban. |
| 5.2.  | CSGD có phòng studio (đủ máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài gảng điện tử) không: có/không  | 2  | Có: 2 điểm.  | 2 điểm | Phòng đa năng, Phòng tin học, Phòng,Phòng cán bộ, Thư viện,….  |  |
| 5.3.  | Tỉ lệ máy tính phục vụ công tác dạy-học so với số phòng học của CSGD: 100% | 2  | Lớn hơn 80%: 2 điểm Lớn hơn 40%: 1 điểm | 2 điểm | 23/23 phòng (100%) |  |
| 5.4.  | Tỉ lệ bộ thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học so với số phòng học của CSGD  | 2  | Lớn hơn 80%: 2 điểm Lớn hơn 40%: 1 điểm | 2 điểm | 23 Máy projector, 23 Webcame,… |  |
| 5.5.  | Tỉ lệ máy tính phục vụ học tập của học sinh so với số lượng học sinh | 3  | Dưới 50% yêu cầu: 0.5 điểm Dưới 80% yêu cầu: 1.5 điểm Đạt yêu cầu: 3 điểm  | 3 điểm | Đạt yêu cầu |  |
| 5.6.  | CSGD có mạng LAN không? | 1 | Có: 1 điểm | 1 điểm | Mạng VNPT  |  |
| 5.7.  | CSGD có cung cấp Internet không dây cho CBVCNV không? | 1 | Có: 1 điểm | 1 điểm | Có thiết bị Wifi |  |
| 5.8.  | Tỉ lệ máy tính được cài phần mềm phòng chống virus:85%  | 1  | Trên 70%: 1 điểm  | 1 điểm | 90%  |  |

**Tổng điểm: 93/100**